

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Z
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 01/4/2022

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Z, TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Bời

Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Z tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXX-ST ngày 25 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Công T**, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Tổ 7 T T, quận TK, thành phố Đà Nẵng. (Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn:* Bà **Lê Thị Thùy T**, sinh năm 1982; Nơi cư trú: 54 Nguyễn Thái Học, phường VT, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa. (Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện; bản tự khai, nguyên đơn ông Nguyễn Công T trình bày:* Ông và bà Lê Thị Thùy T tự nguyện kết hôn năm 2010, theo giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 09/4/2010 tại Ủy ban nhân dân phường NH, thành phố Z. Sau thời gian chung sống, vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do tính cách, lối sống, cách nuôi dạy con cái cũng như quan điểm sống giữa hai vợ chồng hoàn toàn trái ngược nhau nên không thể chia sẻ được những khó khăn trong cuộc sống, dẫn đến không khí gia đình luôn nặng nề, căng thẳng. Từ lâu giữa ông và bà T chỉ là cuộc sống vợ chồng trên danh nghĩa, ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Z giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị Thùy T. Về con chung: Ông và bà Lê Thị Thùy T có 02 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 07/9/2011 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 13/12/2016. Ông và bà T thỏa thuận giao các con chung cho bà T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ông không cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại bản tự khai, bị đơn đơn bà Lê Thị Thùy T trình bày:* Bà và ông Nguyễn Công T tự nguyện kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường NH, thành phố Z. Trong cuộc sống hôn nhân, đã từ lâu bà và ông T hoàn toàn không còn tình cảm với nhau nên bà đồng ý theo đơn khởi kiện ly hôn của ông T. Về con

chung: Bà và ông Nguyễn Công T có 02 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 07/9/2011 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 13/12/2016. Bà xin được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Z đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông T và bà T đều có đơn đề nghị hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vắng mặt họ. Do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

* *Phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên nhận định:* Tòa án nhân dân thành phố Z thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, có căn cứ, đúng pháp luật. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Về con chung, bà T có nguyện vọng nuôi con chung và ông T đồng ý nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự. Ngoài ra, bà T không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn ông Nguyễn Công T và bị đơn bà Lê Thị Thùy T đều vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn Công T và bà Lê Thị Thùy T kết hôn năm 2010, theo giấy chứng nhận kết hôn số 30, quyển số 01/2010 ngày 09/4/2010 tại Ủy ban nhân dân phường NH, thành phố Z nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong tính cách, lối sống, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, thấu hiểu, chia sẻ cho nhau. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cuộc sống hôn nhân giữa ông T và bà T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nếu tiếp tục duy trì cuộc sống gia đình thì cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ theo Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Ông Nguyễn Công T và bà Lê Thị Thùy T có 02 con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 07/9/2011 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 13/12/2016. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và ông T đồng ý. Việc thỏa thuận của ông Nguyễn Công T và bà Lê Thị Thùy T là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Bà Lê Thị Thùy T không yêu cầu ông Nguyễn Công T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông T, bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] *Về án phí*: Ông Nguyễn Công T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình;
- Căn cứ Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 và các điều 227, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Ông Nguyễn Công T được ly hôn với bà Lê Thị Thùy T.

2. Về con chung: Giao các con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 07/9/2011 và Nguyễn Gia H, sinh ngày 13/12/2016 cho bà Lê Thị Thùy T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ông Nguyễn Công T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Lê Thị Thùy T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Công T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, khi cần thiết bà Lê Thị Thùy T và ông Nguyễn Công T có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con cũng như cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Công T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000994 ngày 07/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z. Ông Nguyễn Công T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Công T và bà Lê Thị Thùy T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố Z;
- Chi cục thi hành án TP. Z;
- Ủy ban nhân dân phường NH, TP. Z (CNKH số 30, quyền số 01/2010 ngày 09/4/2010);
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hạng

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thành phố Nha Trang;
- Chi cục thi hành án TP.Nha Trang;
- UBND phường Ngọc Hiệp, Nha Trang (CNKH số 73, ngày 04/7/2012);
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ly